

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (UBND cấp xã) trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài (NNN) trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, các văn bản pháp luật có liên quan hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Đảm bảo tính chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho NNN nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh trên nguyên tắc Công an tỉnh chủ trì quản lý nhà nước đối với NNN nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh theo dõi, chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thực hiện đúng chức năng chủ trì quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của NNN tại các cửa khẩu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng quản lý; các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp; tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

4. Thông tin, tài liệu trao đổi và nội dung phối hợp phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Quá trình phối hợp tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan liên quan.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Thông qua các cuộc họp liên ngành định kỳ, đột xuất.
3. Thông qua các Hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành do Công an tỉnh chủ trì.
5. Thông qua Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
6. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Công an tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng), các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã trong tham mưu xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã trong tham mưu xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của NNN tại các cửa khẩu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng quản lý.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã trao đổi với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Phối hợp trong tổ chức thực hiện pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh có trách nhiệm trao đổi, thông báo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng), Sở Du lịch, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã về chủ trương, biện pháp công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của ngành Công an.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) có trách nhiệm trao đổi, thông báo Công an tỉnh, Sở Du lịch, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã về chủ trương, biện pháp công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của NNN tại các cửa khẩu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng quản lý.

3. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Du lịch, theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh phải kịp thời gửi văn bản thông báo những trường hợp chưa cho nhập cảnh, giải tỏa chưa cho nhập cảnh, buộc xuất cảnh đối với NNN quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, Điều 22 và điểm b, khoản 2, Điều 30 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của NNN tại Việt Nam cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh để phối hợp thực hiện.

Điều 7. Phối hợp trong việc cấp giấy tờ cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú

1. Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) phải kịp thời thông báo cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) về nhân sự NNN được cấp thị thực, giấy phép vào khu vực biên giới... do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý; thông báo đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thu hồi, hủy bỏ thị thực đã cấp đối với các trường hợp giả mạo giấy tờ để được cấp thị thực hoặc phát hiện vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, quốc phòng.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) trong quá trình giải quyết cấp thị thực, nếu phát hiện có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh hoặc có dấu hiệu giả mạo giấy tờ để được cấp thị thực thì trao đổi về Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) phối hợp giải quyết.

3. Sở Du lịch có trách nhiệm gửi danh sách những người được cấp thẻ tạm trú thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 36 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14, Điều 1 Luật số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp.

Điều 8. Phối hợp trong công tác kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài

1. Công an tỉnh có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

a) Thông tin, tài liệu của Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) phục vụ công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu.

b) Danh sách, dữ liệu NNN thuộc diện chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh, NNN vào khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh.

c) Mẫu dấu, chữ ký của người có thẩm quyền giải quyết thủ tục nhập xuất cảnh cho NNN phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát tại cửa khẩu.

d) Danh sách và dữ liệu hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của NNN do Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) cấp bị mất, bị hủy giá trị sử dụng.

đ) Tình hình vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh có liên quan công tác kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) quản lý.

e) Kết quả điều tra, xử lý các vụ việc NNN vi phạm pháp luật về nhập xuất cảnh do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) bàn giao Công an tỉnh điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin cho Công an tỉnh:

a) Thông tin, tài liệu của Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) trong công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý.

b) Mẫu dấu, chữ ký của người có thẩm quyền giải quyết thủ tục nhập xuất cảnh cho NNN trong công tác kiểm tra, kiểm soát tại cửa khẩu.

c) Tình hình NNN nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; NNN bị trục xuất, đẩy đuổi; NNN vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp có nghi vấn, phức tạp liên quan đến an ninh, quốc phòng tại các cửa khẩu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng quản lý.

d) Danh sách, dữ liệu và thông tin nhân sự NNN nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng quản lý.

Điều 9. Phối hợp trong công tác quản lý cư trú, hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã phối hợp với Công an tỉnh trao đổi thông tin cấp thị thực, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép lao động, giấy phép hành nghề; cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh NNN phối hợp với cơ sở lưu trú thực hiện nghiêm việc khai báo tạm trú của NNN theo quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung tại khoản 5, khoản 6, Điều 2 Luật số 23/2023/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của NNN tại Việt Nam; đồng thời, có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc khoản 2, Điều

45 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của NNN tại Việt Nam; phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết trường hợp NNN vi phạm pháp luật và các vấn đề phát sinh khác; trong thời hạn 12 giờ kể từ khi phát hiện NNN bị tai nạn, tử vong... phải trao đổi với Công an tỉnh, Sở Du lịch tỉnh để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà người đó là công dân.

2. UBND cấp xã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thực hiện tốt công tác quản lý cư trú, hoạt động của NNN tại địa phương.

Điều 10. Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra việc thực hiện và chấp hành các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN của các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Công an tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ giám sát, đánh giá, kiểm tra chuyên ngành hằng năm hoặc đột xuất các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan về việc thực hiện các quy định về người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

3. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã thống nhất kế hoạch kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh.

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Điều 11. Phối hợp xử lý vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan điều tra, xử lý đối với NNN vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Trường hợp NNN vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng), các sở, ban, ngành phát hiện thì xử lý theo thẩm quyền, nếu có tình tiết phức tạp thì trao đổi với Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) phối hợp xử lý.

3. Trường hợp NNN vi phạm pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh nhưng thuộc diện ưu đãi, miễn trừ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Du lịch chỉ đạo cơ quan chức năng kịp thời thông báo cho các cơ quan liên quan, UBND cấp xã về phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN tại Việt Nam và trên địa bàn tỉnh để chủ động phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý.

Điều 12. Phối hợp hướng dẫn sử dụng các mẫu giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Công an tỉnh có trách nhiệm cung cấp cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng), Sở Du lịch và các ngành liên quan các mẫu giấy tờ, con dấu và các loại giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do Bộ Công an ban hành.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm cung cấp cho Công an tỉnh, Sở Du lịch và các ngành liên quan bản mẫu giấy tờ; chứng nhận tạm trú; mẫu dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng quản lý.

3. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng), Sở Du lịch hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài sử dụng các loại mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của NNN tại địa phương do Bộ Công an ban hành.

Điều 13. Phối hợp trong việc thống kê nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) thực hiện thống kê nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh và gửi số liệu thống kê về Cục Quản lý xuất nhập cảnh tập hợp báo cáo Tổng cục Thống kê theo quy định. Đồng thời, gửi cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) nắm.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thực hiện thống kê số liệu cấp thị thực, NNN vi phạm pháp luật Việt Nam, bị trục xuất, buộc xuất cảnh hoặc không đủ điều kiện nhập cảnh tại các cửa khẩu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng quản lý và định kỳ 03 tháng thông báo cho Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh).

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp xã thực hiện thống kê số liệu NNN làm việc với cơ quan mình và các tổ chức, đơn vị trực thuộc; UBND cấp xã

thực hiện thống kê số liệu NNN cư trú, hoạt động tại địa phương. Định kỳ 03 tháng, các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh, UBND cấp xã thông báo kết quả thống kê cho Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh).

Điều 14. Phối hợp trong phổ biến, giáo dục pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng), các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã tổ chức tập huấn các văn bản pháp luật về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN tại Việt Nam cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải quyết thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN tại Việt Nam.

2. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng), Sở Du lịch, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN trên địa bàn tỉnh.

3. UBND cấp xã phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh phổ biến, giáo dục pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của NNN cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tại địa phương.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chủ động trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/11) các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã được phân công trong Quy chế này có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện gửi Công an tỉnh (Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) để hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật./.